TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:32/2025/HNGĐ-ST
Ngày 06-5-2025
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn và ông Nguyễn Quang Kim.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 321/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1983; Trú tại: TDP V, phường V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986;

Nơi ĐKHK: Tổ dân phố Vân Cốc 4, phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Tổ dân phố Vàng, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Hoàng Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn cùng chị Nguyễn Thị T người ở Làng V, xã B, huyện V, (nay là tổ dân phố V, thị trấn B, thị xã V), tỉnh Bắc Giang vào ngày 10/12/2008 và được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương, trước khi cưới anh có được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã V (nay là phường V), thị xã V cưới xong

chị T về chung sống cùng anh ngay và ở chung cùng gia đình, tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, đến nay có 1 cho chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Thực tế anh và chị T trước đó đã kết hôn với nhau từ tháng 4 năm 2005 sau đó chung sống với nhau được khoảng hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đã ra Toà án nhân dân huyện Việt Yên (nay là thị xã V) giải quyết cho anh chị ly hôn, tuy nhiên sau khi ly hôn được thời gian ngắn thì giữa anh và chị T tháo gỡ được mâu thuẫn lên đến tháng 12 năm 2008 anh chị đi đăng ký kết hôn lại và về chung sống đoàn tụ với nhau, nhưng sau khi về chung sống với nhau cũng chỉ được thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn từ những sinh hoạt nhỏ thường ngày không tìm được tiếng nói chung trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, chính bởi vậy vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Kể từ khi ly thân anh và chị T cùng hai bên gia đình cũng đã nỗ lực hoà giải nhưng đều không có kết quả, thời gian ly thân dài như vậy cũng do một phần anh đi lao động xuất khẩu, khi về nước thì anh và chị T không gặp nhau và do anh cũng không có nhu cầu ly hôn nên cứ để mặc như vậy, nay anh về nước do không muốn kéo dài tình trạng hôn nhân với chị T và xác định không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, bản thân anh cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị T do vậy anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 1 con chung là Hoàng Mạnh N, sinh ngày 10/7/2006, tính đến nay cháu đã trưởng thành, do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung, vay nợ, công sức: Vợ chồng không có gì vướng mắc, nay ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất nông nghiệp: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Hoàng Văn D không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tại bản tự khai và lời khai tại Toà án bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thị xã V vào tháng 4/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng và có 1 con chung.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến khoảng 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ cách nuôi dạy con đến quan điểm làm ăn, thậm chí trong cách cư xử, ứng xử, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa lánh, hậu quả cùng năm 2007 anh chị đã ra Toà án nhân dân huyện Việt Yên (nay là thị xã V) thuận tình ly hôn. Sau khi ly hôn do con còn nhỏ, hơn nữa chị và anh D tự hoà giải và đã quay lại sống đoàn tụ và đi đăng ký hết hôn lại tại UBND phường V vào tháng 12 năm 2008, trong quá trình chung sống sau khi kết hôn lại cũng chỉ được thời gian ngắn vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong mọi

lĩnh vực của cuộc sống, tuy không xảy ra to tát nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, không nói chuyện được với nhau, khoảng cuối năm 2011 anh D đi lao động xuất khẩu tại nước Nga đến năm 2014 anh D về nước mặc dù xa nhau nhiều năm nhưng vợ chồng cũng không tìm được tiếng nói chung, sau khoảng 5 tháng anh D lại đi tiếp đến năm 2017 anh lại về nước nhưng cuộc sống vợ chồng cũng không được cải thiện. Do chị xác định vợ chồng không còn yêu thương nhau nên đến tháng 10 năm 2021 chị đã về gia đình đẻ sống vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay nguyên nhân là do xác định sống không còn hạnh phúc. Kể từ khi ly thân vợ chồng và hai bên gia đình thông gia không gặp gỡ để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc về đoàn tụ là không thể, do vậy anh Hoàng văn D đề nghị ly hôn chị đồng ý không có gì vướng mắc.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Mạnh N, sinh ngày 07/10/2006. Nay cháu đã trưởng thành, do vậy chị không yêu cầu toà án xem xét giải quyết.

- Tài sản chung, công sức: Vợ chồng không có gì vướng mắc, nay ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho cho ai vay, nay không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất nông nghiệp: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc thuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Không giải quyết.

Tài sản chung, vay nợ, công sức, ruộng đất nông nghiệp: Không giải quyết.

Về án phí: Anh Hoàng Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các trình tự tiến hành tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn anh Hoàng Văn D, bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo trình tự thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị T, kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V (nay là phường V, thị xã V), tỉnh Bắc Giang, tuy nhiên đến năm 2007 anh chị đã ly hôn nhưng sau đó năm 2008 anh chị đến UBND xã V, huyện V (nay là phường V, thị xã V), tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn lại là đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, đến cuối năm 2010 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, trong cuộc sống hàng ngày hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã khiến tình cảm lạnh nhạt và không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ đầu năm 2021 vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng và chị Nguyễn Thị T đã về nhà đẻ sống. Hội đồng xét xử xét thấy anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị T ly thân từ năm 2021 đến nay, quá trình ly thân thể hiện anh chị không có biện pháp tháo gỡ, hàn gắn tình cảm vợ chồng điều đó thể hiện cuộc hôn nhân của anh hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Văn D đối với chị Nguyễn Thị T là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh N1, sinh ngày 07/10/2006, nay cháu đã trưởng thành nên không đặt thành yêu cầu giải quyết.

[4] Tài sản chung, vay nợ, công sức, ruộng đất nông nghiệp: Quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Hoàng Văn D phải chịu án phí ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Không giải quyết

3. Về tài sản, vay nợ, công sức, ruộng đất nông nghiệp: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận anh Hoàng Văn D đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0001495 ngày 09/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (xác nhận anh Hoàng Văn D đã nộp đủ án phí)

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Vân Trung;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh